

Bản án số: 23/2019/DS-ST

Ngày: 13/6/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN**

**- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Thuận.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Văn Anh.

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Vân- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hải Lĩnh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 350/2018/TLST-DS, ngày 28 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Lệ U, sinh năm 1981; *địa chỉ:* Tổ 2, thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

*Người đại diện theo ủy quyền:*

+ Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1983 (Văn bản ủy quyền ngày 15/11/2018); *địa chỉ:* Số 301B, chung cư V, khu phố 6, phường P, THnh phố Ph, tỉnh Bình Thuận.

+ Anh Lê Hồng T, sinh năm 1987 (Văn bản ủy quyền ngày 15/11/2018); *địa chỉ:* Thôn 6, xã H, huyện K, tỉnh Bình Thuận; *địa chỉ liên hệ:* Số 245, Đại lộ Ph, phường 1, Quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh Trần Phú Đ, sinh năm 1989; *địa chỉ:* Số 04, đường số 01, khu dân cư Giao Hòa, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh; *địa chỉ liên hệ:* Số 367, đường 3/2, khu phố 9, thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1989; *địa chỉ:* Số 369, đường 3/2, khu phố 9, thị trấn Đức Tài, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/4/2019).

- *Người làm chứng:*

+ Anh Phùng Vũ Đăng K, sinh năm 1994; *địa chỉ:* Khu phố 8, thị trấn ĐTài, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

+ Anh Huỳnh Quốc B, sinh năm 1994; *địa chỉ:* Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt anh T. Vắng mặt anh Ti, anh Đ, anh K và anh B

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2018, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến Hòa giải được, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị Lệ U (do anh Nguyễn Quốc T và anh Lê Hồng T làm đại diện theo ủy quyền) trình bày: Trước đây do có quen biết nên vào ngày 02/7/2016 tại nH riêng của bà Hoàng Thị Lệ U, bà U đã cho ông Trần Phú Đ vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng, mục đích vay để đáo hạn ngân Hàng. Đến ngày 23/7/2016, ông Đ tiếp tục yêu cầu bà U cho vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Khi vay 02 khoản tiền trên thì hai bên có lập giấy vay tiền. Ông Đ hẹn khi nào đáo hạn ngân Hng xong thì ông Đ sẽ hoàn trả cả tiền gốc và tiền lãi cho bà U. Sau đó bà U đã rất nhiều lần yêu cầu ông Đ trả lại số tiền nợ vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh nhưng ông Đ không chịu trả. Bà U đã làm đơn khiếu nại gửi UBND thị trấn Đức Tài để nhờ can thiệp, giải quyết nhưng ông Đ vẫn không đến làm việc nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Quốc Thi yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc ông Trần Phú Đ phải trả lại cho bà Hoàng Thị Lệ U số tiền nợ gốc của hai khoản vay là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh đối với từng khoản vay, tính từ ngày vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định đây là khoản vay cá nhân của ông Đ, vì vậy không yêu cầu bà Trần Thị Thanh H (là vợ của ông Đ) phải có trách nhiệm liên đới trả các khoản nợ nêu trên.

Tại các bản khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Trần Phú Đ trình bày: Anh thừa nhận vào ngày 02/7/2016 có vay của chị Hoàng Thị Lệ U số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), đến ngày 23/7/2016 có vay thêm của chị U số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Tổng cộng hai lần vay là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền, trong 02 giấy mượn tiền ngoài những phần đánh máy sẵn có thì còn lại là chữ viết của anh. Anh

và chị U có thỏa thuận miệng lãi suất là 2.000 đồng/triệu/ngày. Trong 02 giấy mượn tiền có ghi lãi suất là 1,5%/tháng và 1%/tháng thì theo anh Đ là do chị U tự viết, vì khi lập giấy mượn tiền thì không có nội dung này mà để trống. Sau khi vay thì anh đã nhờ 02 người em (quen biết) là Phùng Vũ Đăng Khôi và Huỳnh Quốc Bảo đến trả đủ tiền gốc và lãi cho chị U, trả xong nợ vào đầu năm 2017. Tuy nhiên, vì tin tưởng nên anh không yêu cầu chị U hủy giấy vay tiền. Anh Đ xác định 02 khoản vay này là vay dùng để kinh doanh riêng của cá nhân anh tại THnh phố Hồ Chí Minh, vợ anh chị Trần Thị Thanh H không biết nên không liên quan đến các khoản nợ này. Nay chị U khởi kiện yêu cầu anh phải trả số nợ gốc của 02 khoản vay 400.00.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh thì anh không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều lập ngày 12/4/2019 có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thanh H trình bày: Chị là vợ của anh Trần Phú Đ, anh chị kết hôn vào năm 2012. Sau khi kết hôn anh chị chủ yếu sinh sống tại huyện Bình Chánh, THnh phố Hồ Chí Minh. Việc anh Đ vay mượn tiền của chị U thì chị hoàn toàn không biết, vì trong khoản thời gian này vợ chồng chị không sống chung cùng nhau. Chị không liên quan gì đến việc vay mượn tiền giữa anh Đ và chị U nên không có trách nhiệm gì về các khoản nợ trên. Vì lý do công việc nên không thể đến Tòa án để tham gia tố tụng, chị đề nghị Tòa án tiến Hnh xét xử vắng mặt chị.

Tòa án đã triệu tập anh Phùng Vũ Đăng Khôi và anh Huỳnh Quốc Bảo tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng theo yêu cầu của anh Trần Phú Đ (Văn bản tố tụng do anh Đ, chị H nhận thay và cam kết giao lại cho anh Khôi, anh Bảo). Tuy nhiên, anh Khôi và anh Bảo không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến Hnh tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng việc hòa giải không tHnh.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật TTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về chấp Hnh pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chấp Hnh không đầy đủ giấy báo của Tòa án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quan hệ tranh chấp phát sinh giữa bà Hoàng Thị Lệ U và ông Trần Phú Đ là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Ông Trần Phú Đ vay của bà Hoàng Thị Lệ U số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 02/7/2016 với lãi suất 1,5%/tháng và vay 200.000.000 đồng vào ngày 23/7/2016 với lãi suất 1%/tháng là có thật. Ông Đ cho rằng đã trả hết nợ cho bà U, việc trả nợ thông qua hai người em tên Khôi và Bảo, không có giấy tờ gì để chứng minh. Tòa án nhiều lần triệu tập Khôi và Bảo nhưng Khôi và Bảo không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Từ đó thấy rằng, việc anh Đ khai đã trả nợ cho chị U là không có cơ sở.

Về lãi suất trong giấy vay tiền là không phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Trần Phú Đ trả nợ, không yêu cầu bà Trần Thị Thanh H trả, vì vậy chỉ cần buộc một mình ông Đ trả nợ là phù hợp.

Căn cứ Điều 471, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 buộc ông Trần Phú Đ phải trả cho bà Hoàng Thị Lệ U số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện và thụ lý vụ án: Nguyên đơn làm đơn khởi kiện và Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản mà các bên đã xác lập là trước ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực) và hợp đồng chưa được thực hiện nhưng lãi, lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, việc áp dụng pháp luật để giải quyết trong vụ án này là Bộ luật dân sự năm 2005.

[1.4] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để khẳng định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh

Trần Phú Đ nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thanh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về khoản tiền nợ gốc: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất vào ngày 02/7/2016 anh Đ có vay của chị U số tiền 200.000.000 đồng. Đến ngày 23/7/2016 anh Đ vay thêm của chị U 200.000.000 đồng. Tổng cộng hai khoản vay là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Theo anh Đ thì sau khi vay anh đã nhờ anh Phùng Vũ Đăng Khôi và anh Huỳnh Quốc Bảo đem tiền gốc và lãi đến trả đầy đủ cho chị U. Tuy nhiên, vì tin tưởng nên anh không yêu cầu chị U hủy giấy vay tiền. Anh Đ yêu cầu Tòa án triệu tập anh Khôi và anh Bảo đến Tòa án để làm chứng cho anh. Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng Bảo và Khôi vẫn không đến Tòa án. Đồng thời, anh Đ cũng không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc anh đã trả khoản tiền vay và lãi nêu trên cho chị U và cũng không chứng minh được về lãi suất ghi 1,5%/tháng và 1%/tháng trên hai giấy mượn tiền là do chị U tự viết. Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt, điều đó cho thấy đây chỉ là lời khai nại của anh Đ, không có căn cứ pháp luật. Vì vậy, cần xem xét những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để buộc anh Đ phải trả cho chị U số tiền nợ vay 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu anh Đ phải trả lãi trên số tiền nợ của hai khoản vay, kể từ ngày vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Thấy rằng, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Do các bên có tranh chấp về lãi suất nên cần áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự để tính lãi là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân Hng NH nước, quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm (tức 0,75%/tháng) và tiền lãi được tính như sau:

Đối với khoản vay 200.000.000 đồng vào ngày 02/7/2016: Từ ngày 02/7/2016 đến ngày 13/6/2019 là 35 tháng 11 ngày x 0,75%/tháng x 200.000.000 đồng = 53.050.000 đồng (Năm mươi ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với khoản vay 200.000.000 đồng vào ngày 23/7/2016: Từ ngày 23/7/2016 đến ngày 13/6/2019 là 34 tháng 21 ngày x 0,75%/tháng x 200.000.000 đồng = 52.050.000 đồng (Năm mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền lãi ông Đ phải trả là: 53.050.000 đồng + 52.050.000 đồng = 105.100.000 đồng (Một trăm linh năm triệu một trăm nghìn đồng).

[2.3] Xét về nghĩa vụ trả tiền: Mặc dù đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân của anh Trần Phú Đ và chị Trần Thị Thanh H. Tuy nhiên, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất hai khoản vay này không liên quan đến chị H và không yêu cầu chị H phải có trách nhiệm liên đới trả nợ. Chị H cũng có ý kiến đây là khoản vay cá nhân của anh Đ, không liên quan đến chị. Vì vậy, không cần buộc chị H phải có nghĩa vụ liên đới cùng với anh Đ trả cho chị U số tiền nợ vay và lãi nêu trên là phù hợp pháp luật.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc anh Đ phải chịu toàn bộ án phí DSST trên số tiền phải trả nợ. Hoàn trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[2.5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung của vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, khoản 2 Điều 476 và khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc ngân Hng NH nước; Điều 26 Luật Thi Hnh án dân sự.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc anh Trần Phú Đ phải trả cho chị Hoàng Thị Lê U số tiền là 505.100.000 đồng (Năm trăm linh năm triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 105.100.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Hoàng Thị Lê U có đơn yêu cầu thi Hnh án đối với số tiền anh Trần Phú Đ phải thanh toán nêu trên, thì anh Đ còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi Hnh án.

2/ Về án phí: Buộc anh Trần Phú Đ phải chịu 24.204.000 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm linh bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Đ. Chị Hoàng Thị Lê U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm,

được hoàn trả 12.760.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025044 ngày 28/12/2018 tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Đ.

**3/ Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/6/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi Hnh án dân sự; Thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.**

*Nơi nhận:*

- VKSND huyện Đ,
- Chi cục THA dân sự huyện Đ,
- Các đương sự,
- Lưu qđ, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Huỳnh Văn Thuận**